



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

157 – 159 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 5, TP TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

ĐIỆN THOẠI: 057 3828643 – 3823246 FAX: 057 3824162

EMAIL: pvoilphuyen@phuyen.pvoil.vn

WEBSITE: www.pvoilphuyen.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2016**





NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Tổ chức cơ cấu Công ty

Định hướng phát triển

Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động của Công ty đến môi trường và xã hội

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị
về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của
Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và
các khoản lợi ích

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

Bảng kết quả hoạt động
kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bảng thuyết minh báo cáo
tài chính

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Tổ chức cơ cấu bộ máy
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro







THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
- Tên tiếng Anh** : PHU YEN PETROVIETNAM OIL JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch** : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
- Tên viết tắt** : PV OIL PHÚ YÊN
- Vốn điều lệ** : 82.400.000.000 đồng

Giấy CNĐKDN số

4400114094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 25/12/2009 và thay đổi lần thứ 8 ngày 08/7/2014

PVOIL PVOIL



Địa chỉ : 157 – 159 Hùng Vương, phường 5,
TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Điện thoại : (057) 3828643 – 3823246

Fax : (057) 3824162

Website : www.pvoilphuyen.com.vn

Mã chứng khoán : PPY



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004

Công ty Vật tư tổng hợp Phú Yên góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên (thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên) có vốn điều lệ 24 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật tư tổng hợp Phú Yên sở hữu 39%. Công ty có kho LPG sức chứa 1.500 m³, cho ra thị trường các loại gas dân dụng và gas công nghiệp mang thương hiệu SP (SAIGON PETRO).

2006

Công ty Vật tư tổng hợp Phú Yên chuyển mô hình thành Công ty TNHH một thành viên Vật tư tổng hợp Phú Yên do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên làm chủ sở hữu.

1999

Công ty đã đưa Kho Xăng dầu Vũng Rô (thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên) vào hoạt động vào ngày 30/6/1999.

1992

Công ty Vật tư Tổng hợp thị xã Tuy Hòa thành lập doanh nghiệp Nhà nước lấy tên là Công ty Vật tư tổng hợp Phú Yên và chuyển về trực thuộc Sở Thương mại & Du lịch tỉnh Phú Yên.

1981

Tiền thân của PV OIL Phú Yên là Công ty Cung ứng Vật tư thị xã Tuy Hòa trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh.

1990

Công ty Cung ứng Vật tư thị xã Tuy Hòa đổi tên thành Công ty Vật tư Tổng hợp thị xã Tuy Hòa.

2012

Ngày 01/01/2012, tên gọi Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên cùng thương hiệu PV OIL Phú Yên chính thức hiện hữu trên thương trường.

2011

Chia tách Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên thành Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên và Công ty Cổ phần Điều Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên đổi tên thành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên, tên gọi tắt là PV OIL Phú Yên.

2016

19/01: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên chính thức niêm yết tại sàn HNX với mã cổ phiếu là PPY.

02/3: Công ty bắt đầu giao dịch trên sàn HNX.

2007

Chuyển Công ty TNHH một thành viên Vật tư tổng hợp Phú Yên về trực thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

2009

Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hoá và lấy tên là Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên.



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



1988: Huân chương lao động Hạng 3

1994: Huân chương lao động Hạng 2

1999: Huân chương lao động Hạng 1





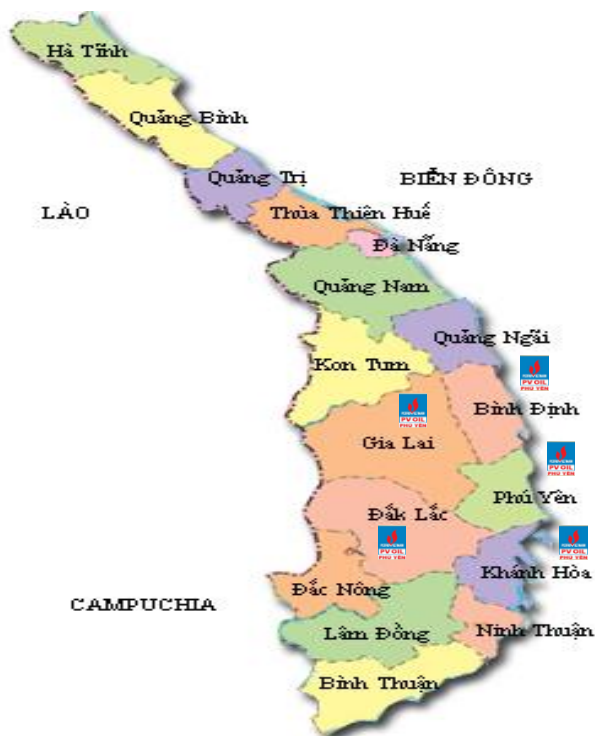
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hiện đang hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- ✓ Mua bán xăng, dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan
- ✓ Sản xuất chế biến hàng nông, lâm sản xuất khẩu
- ✓ Mua bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), nông, lâm sản, nguyên liệu phi nông nghiệp
- ✓ Mua bán vật liệu xây dựng, nhựa đường, máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (kể cả vận tải chất lỏng)
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- ✓ Nhập khẩu xăng dầu, vật tư, dầu nhờn, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng, nông lâm sản, phương tiện vận tải, hàng hóa tiêu dùng



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Địa bàn hoạt động của PV OIL Phú Yên trải dài ở các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk với 30 cửa hàng xăng dầu chuyên kinh doanh các mặt hàng tiêu biểu như:

- ✓ Xăng RON95-II
- ✓ Xăng RON92-II
- ✓ Xăng E5 RON92-II
- ✓ Dầu DO 0,05S
- ✓ Dầu lửa
- ✓ Dầu nhớt PV OIL LUBE các loại



Mô hình quản trị

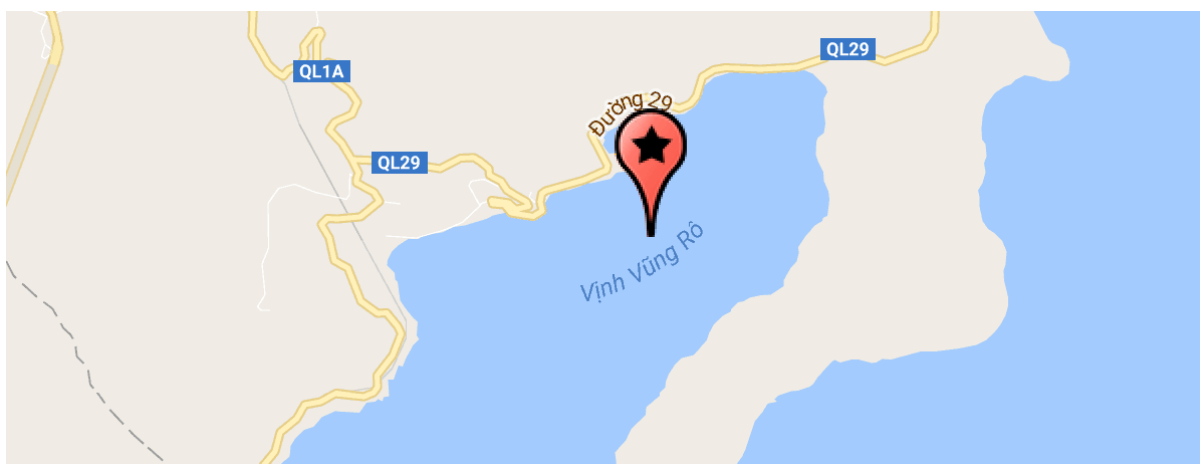
- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị (05 người) gồm Chủ tịch và 04 Thành viên.
- ✓ Ban Kiểm soát (02 người) gồm Trưởng ban và Kiểm soát viên.
- ✓ Ban điều hành (05 người) gồm Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
- ✓ Các đơn vị trực thuộc Công ty gồm 04 phòng chức năng (Tổ chức – Hành chính, Kinh doanh, Kế hoạch – Đầu tư, Tài chính – Kế toán), Kho Xăng dầu Vũng Rô và 04 Chi nhánh ở các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa. Địa điểm kinh doanh bao gồm 30 cửa hàng xăng dầu.

Các Công ty con, Công ty liên kết

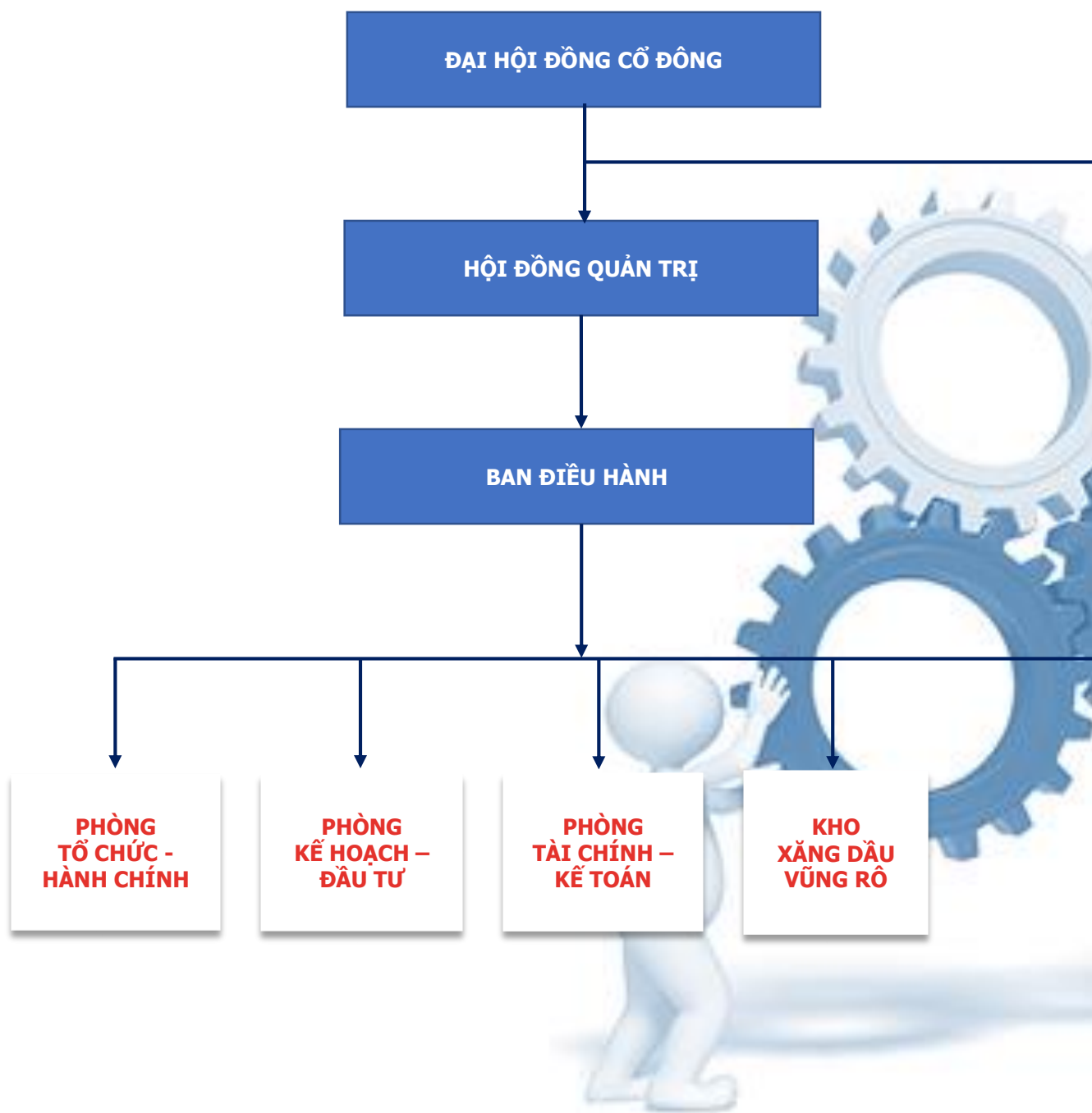
- ✓ **Công ty con:** Không có
- ✓ **Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên

- ✓ Địa chỉ: Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
- ✓ Vốn điều lệ: 24.000.000.000 đồng.
- ✓ Tỷ lệ góp vốn của PV OIL Phú Yên: 39,00%.
- ✓ Lĩnh vực hoạt động chính: kinh doanh gas công nghiệp, gas dân dụng, các loại xăng dầu, các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ và khí đốt, máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư và hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) phục vụ cho ngành dầu khí.



Bộ máy quản trị



```
graph TD; A[BAN KIỂM SOÁT] --- B[PHÒNG KINH DOANH]; A --- C[CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI GIA LAI]; A --- D[CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI KHÁNH HÒA]; A --- E[CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI ĐẮK LẮK]; A --- F[CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI BÌNH ĐỊNH]; B --- G[CÁC CỬA HÀNG XĂNG DẦU]; C --- G; D --- G; E --- G; F --- G;
```

BAN KIỂM SOÁT

**PHÒNG KINH
DOANH**

**CHI NHÁNH
CÔNG TY TẠI
GIA LAI**

**CHI NHÁNH
CÔNG TY TẠI
KHÁNH HÒA**

**CHI NHÁNH
CÔNG TY TẠI
ĐẮK LẮK**

**CHI NHÁNH
CÔNG TY TẠI
BÌNH ĐỊNH**

CÁC CỬA HÀNG XĂNG DẦU



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần, duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường.
- ✓ Xây dựng thương hiệu PV OIL Phú Yên trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam về mảng bán lẻ xăng dầu.
- ✓ Củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức hoạt động. Xây dựng một đội ngũ nhân viên kinh nghiệm, chuyên môn cao.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Đẩy mạnh đầu tư phát triển cửa hàng xăng dầu dưới nhiều hình thức, song song với việc đảm bảo tài chính luôn được cân đối, bảo toàn và phát triển vốn.
- ✓ Giữ vững thị trường truyền thống, mở rộng mạng lưới phân phối sang nhiều địa phương khác, đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh phân phối trực tiếp mang tính ổn định, bền vững.
- ✓ Tăng cường công tác đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực đủ sức cạnh tranh trong giai đoạn hội nhập khu vực và quốc tế thời gian tới.



Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

PV OIL Phú Yên chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng. Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường. Từng bước hướng tới tiêu thụ nhiên liệu sinh học thay thế các sản phẩm xăng dầu truyền thống theo chiến lược của Tổng công ty.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về mặt kinh tế

Là một Công ty kinh doanh xăng dầu, nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất, sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung cũng như các ngành nghề khác trong nền kinh tế nói riêng sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

✓ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam không đạt chỉ tiêu do chính phủ đề ra, chỉ đạt 6,21% so với năm 2015. Cụ thể, quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trưởng này dù thấp hơn năm 2015 nhưng nhìn chung vẫn cao hơn so với năm 2013 và 2014. Kinh tế Việt Nam trong năm 2016 đã trải qua nhiều biến động do tình hình kinh tế thế giới đầy bất ổn, đặc biệt là các quốc gia lớn như Anh, Trung Quốc, EU,... Vì thế, hoạt động kinh doanh của PV OIL Phú Yên cũng ít nhiều bị tác động.

✓ Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015 nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây nhưng vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra. Trong tương lai, nếu Nhà nước có những biện pháp kích cầu và nới lỏng đầu tư công thì rủi ro lạm phát tăng trở lại là rất lớn. Lạm phát tăng có thể gây bất ổn đối với giá cả nguyên liệu đầu vào, chi phí thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng,... Từ đó sẽ gây những tác động không nhỏ đến hoạt động phân phối và tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp, trong đó có cả PV OIL Phú Yên.

Rủi ro pháp luật

Là một Công ty đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó chủ yếu là Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Đồng thời, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu về thuế xuất nhập khẩu, lượng dự trữ, giá định hướng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty, Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về mặt vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

✓ Rủi ro chính trị

Một trong những đặc thù của ngành Dầu khí là đòi hỏi vốn đầu tư lớn, rủi ro cao và chịu ảnh hưởng rất lớn của yếu tố chính trị... Các Tập đoàn Dầu khí lớn thường là các Công ty được sở hữu toàn phần hoặc một phần của Nhà nước. Vì vậy các chiến lược và chính sách về năng lượng, kinh tế, ngoại giao hoặc sự bất ổn trong khu vực có dầu của từng quốc gia đều có ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành. Mặt khác, trong thời gian qua, việc mở rộng tìm kiếm thăm dò khai thác ra vùng biển nước sâu, xa bờ vừa rất tốn kém, rủi ro, lại đang bị tranh chấp mạnh từ phía Trung Quốc đã gây ra những tác động không nhỏ đến hoạt động dò tìm, khai thác dầu khí của các Tập đoàn Dầu Khí và gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động mua bán xăng dầu của PV OIL Phú Yên.

✓ Rủi ro biến động giá xăng dầu

Dầu mỏ là sản phẩm mà giá được quyết định theo giá thế giới, vì vậy mỗi biến động của giá dầu mỏ trên thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và việc đầu tư các dự án, ... Trong năm qua, giá dầu thô đã giảm về mức 40-45 USD/thùng do thị trường liên tục ở trạng thái cung vượt quá cầu nghiêm trọng và các cuộc chiến liên quan đến dầu mỏ. Việc dự báo giá dầu trong các năm tới cùng với sự phục hồi kinh tế thế giới cũng là một thách thức và là rủi ro khó lường hết được do sự biến động là rất lớn.

✓ Rủi ro cạnh tranh

Với bối cảnh thị trường ngành bán lẻ xăng dầu đang ngày càng phát triển với nhiều thành phần kinh tế tham gia, cũng như sau khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ phải mở cửa thị trường kinh doanh xăng dầu cho các tập đoàn lớn trên thế giới có thể đầu tư và phát triển. Điều này sẽ tạo sự cạnh tranh gay gắt đối với những Công ty cùng ngành nói chung và PV OIL Phú Yên nói riêng. Là Công ty đã có thâm niên trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, có hệ thống bán lẻ hiện đại với đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm, PV OIL Phú Yên đảm bảo khả năng cạnh tranh với các Công ty kinh doanh cùng ngành cũng như bảo đảm tỷ lệ tăng trưởng theo xu hướng thị trường trong tương lai cùng với việc phát triển Kho xăng dầu Vũng Rô.

Rủi ro môi trường

Trong bối cảnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa như hiện nay, dầu mỏ và khí đốt vẫn sẽ là thành phần chính của năng lượng toàn cầu trong nhiều năm tới. Ngành công nghiệp dầu khí đã xác định một loạt các rủi ro từ biến đổi khí hậu như hiệu ứng nhà kính làm cho nhiệt độ Trái đất tăng, mực nước biển dâng, sự tan chảy ở những nơi đóng băng vĩnh cửu,... làm ảnh hưởng tới công tác dò tìm, khai thác dầu khí của PV OIL. Từ đó, nguồn cung của Công ty sẽ bị thiếu hụt dẫn đến chi phí đầu vào sẽ tăng đột biến.

Ngoài ra, trong quá trình xuất, nhập, tồn trữ, vận chuyển xăng dầu có thể xảy ra tình trạng cháy nổ gây thiệt hại nhiều mặt: về tài sản vật chất, thiệt hại về con người, gây ô nhiễm môi trường... Vì vậy, đội ngũ nhân viên Công ty luôn làm việc cẩn thận, chu đáo, đúng quy trình nhằm tránh các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sẽ tác động xấu đến môi trường và đến xã hội.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo tác động của Công ty đến môi trường và xã hội







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% TH 2016/2015	%TH/KH 2016
1	Sản lượng xăng dầu	Nghìn lít	137.877	143.000	141.813	102,85	99,17
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.752	1.761	1.320	75,34	74,91
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22	13	26	118,18	200,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17	-	22	129,41	-

Đánh giá tình hình thị trường dầu khí nói chung:



✓ Trong năm 2016, tình hình kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro lớn khó kiểm soát như nước Anh quyết định rời khỏi EU. Kết quả này được cho là một cú sốc lớn và có thể gây ra những hậu quả chưa thể lường trước. Thị trường chứng khoán, vàng, dầu thô, tiền tệ đều có thể biến động lớn vì sự kiện này.

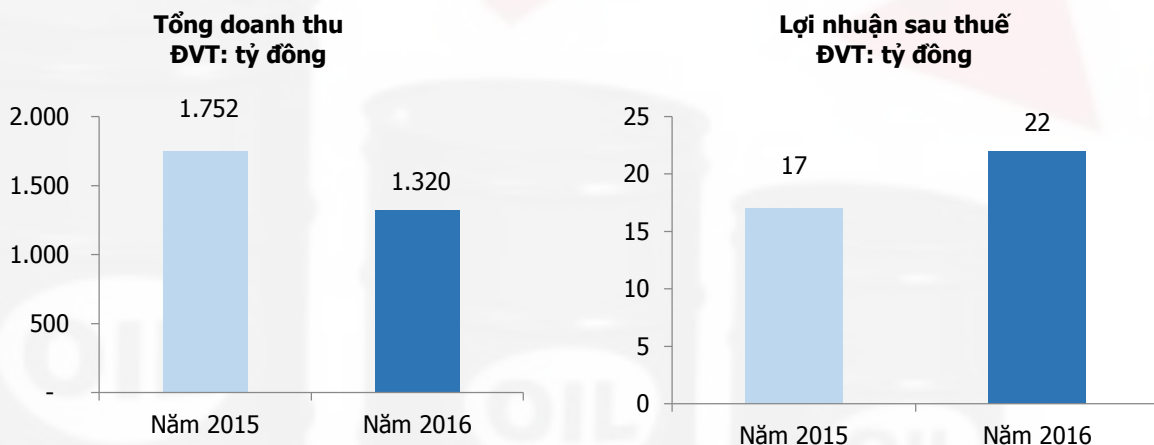
✓ Cuộc khủng hoảng giá dầu (từ mức 100 USD/thùng trong năm 2014 xuống gần 25 USD/thùng vào tháng 1/2016) và giá nguyên liệu đầu vào thấp đã gây suy thoái kinh tế của nhiều nước xuất khẩu các mặt hàng hóa dầu khí như Nga, Venezuela, Brazil,... gián tiếp tác động đến các nền kinh tế mới nổi trong đó có cả Việt Nam và thậm chí làm ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.



- ✓ Sau nhiều lần đàm phán căng thẳng, ngày 30/11/2016, tại Vienna (Áo), Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã nhất trí cắt giảm sản lượng dầu mỏ lần đầu tiên kể từ năm 2008.
- ✓ Theo thỏa thuận đã đạt được vào cuối năm 2016 và trong nửa đầu năm 2017, các nước OPEC sẽ giảm khai thác 1,164 triệu thùng mỗi ngày, xuống mức 32.5 triệu thùng/ngày. Không chỉ có các nước thành viên OPEC, ngay cả 11 nước sản xuất dầu ngoài tổ chức này cũng đã bắt tay với OPEC. Sau khi các nước sản xuất và xuất khẩu dầu mỏ quyết định cắt giảm sản lượng, giá dầu mỏ trên thị trường thế giới đã quay trở lại mức cao trong 17 tháng qua và đạt trên 57 USD/thùng.

Đánh giá kết quả kinh doanh của công ty

Tổng doanh thu năm 2016 đạt 1.320 tỷ đồng giảm 432 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước và chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường xăng dầu thế giới vẫn đang trong tình trạng khó khăn, giá dầu liên tục giảm làm cho doanh thu bán hàng của PV OIL Phú Yên cũng sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, nhờ giá vốn hàng bán giảm sâu gần 437 tỷ cũng như các khoản cổ tức năm 2016 nhận được từ Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên đã làm cho lợi nhuận sau thuế của công ty đạt gần 22 tỷ tăng hơn 4 tỷ đồng so với năm 2015 và vượt 29,41% so với thực hiện năm 2015.



Thuận lợi

- ✓ Công ty đã có thâm niên lâu năm trong ngành bán lẻ xăng dầu so với các doanh nghiệp khác.
- ✓ Được sự quan tâm ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty, các cơ quan ban ngành trong và ngoài tỉnh.
- ✓ Kho xăng dầu Vũng Rô được sự quản lý của Công ty, đây là một thuận lợi cơ bản đối với Công ty trong triển khai các công việc liên quan đến giao nhận, tồn trữ hàng hóa.
- ✓ Sự đổi mới ban lãnh đạo nhằm cải tiến, nhằm hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý để phù hợp hơn với thực tế hiện nay.

Khó khăn

- ✓ Tình hình bất ổn của giá dầu trong năm đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✓ Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước về mảng bán lẻ xăng dầu.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thái Định	Giám đốc
2	Võ Nguyên Hợp	Phó Giám đốc
3	Trần Văn Hay	Phó Giám đốc
4	Đỗ Việt Hùng	Phó Giám đốc
5	Võ Thị Hạnh	Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thái Định – Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 18/4/1961

Nơi sinh : Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú : 606/175 Đường 3/2,
P. 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Toán Điều khiển Kinh tế

Số cổ phiếu nắm giữ : 1.690 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0.02% vốn điều lệ



Ông Võ Nguyên Hợp – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 27/8/1981

Nơi sinh : Phú Yên

Địa chỉ thường trú : 54 Lê Hồng Phong, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Kỹ sư địa chất môi trường

Số cổ phiếu nắm giữ : 563 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,01% vốn điều lệ



Ông Trần Văn Hay - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 12/10/1974

Nơi sinh : Phú Yên

Địa chỉ thường trú : Khu phố 3, phường Phú
Thạnh, thành phố Tuy Hòa,
tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Ngân
hàng

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Ông Đỗ Việt Hùng - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 07/11/1966

Nơi sinh : Hà Nội

Địa chỉ thường trú : 34A Lê Lợi, Phường 1,
thành phố Tuy Hòa,
tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành
Quản trị Kinh doanh

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ



Bà Võ Thị Hạnh – Kế Toán trưởng

Ngày tháng năm sinh : 30/9/1964

Nơi sinh : Phú Yên

Địa chỉ thường trú : 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường 7,
thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Tài chính -
Kế toán

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Thống kê về nhân sự đến ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Số lượng CBCNV	Người	164	204	24,39
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	11,82	15,54	31,47

Tính đến 31/12/2016, số lượng CBCNV toàn Công ty là 204 người tăng 24,39% so với năm 2015. Với việc mở rộng mạng lưới phân phối, gia tăng số lượng cửa hàng xăng dầu, PV OIL Phú Yên cần gia tăng tương ứng nguồn lực nhân sự nhằm đảm bảo công tác vận hành, tổ chức kinh doanh tại các cửa hàng mới này.

Mức lương bình quân trong năm 2016 của mỗi CBCNV đạt mức 15,54 triệu đồng/người/tháng tăng tương đương 31,47% so với năm 2015.

Chính sách tuyển dụng

- ✓ Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, PV OIL Phú Yên luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty.
- ✓ Công ty chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao, có thâm niên và kinh nghiệm trong nghề nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.



Chính sách đào tạo

- ✓ Phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao theo hướng chuyên nghiệp hoá thông qua việc tập trung công tác đào tạo tay nghề cho người lao động, đào tạo trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn, kỹ năng làm việc quốc tế.
- ✓ Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được tiếp cận, cập nhật những kiến thức mới từ các nước tiên tiến trên thế giới.
- ✓ Triển khai kế hoạch đào tạo với nhiều nội dung cho tất cả đối tượng, dưới nhiều hình thức đa dạng, chủ yếu đào tạo chuyên môn sâu. Tăng cường đào tạo nội bộ để nâng cao tay nghề bằng việc hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- ✓ Chính sách lương thưởng là một trong những chính sách quan trọng nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty không chỉ xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên mặt bằng lương chung của thị trường, cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, phù hợp với yêu cầu và khối lượng công việc thực tế mà còn xây dựng chính sách, cơ chế lương thưởng đãi ngộ riêng đối với nguồn nhân lực chất lượng cao.
- ✓ Bên cạnh chính sách lương thưởng hấp dẫn thì chính sách phúc lợi của Công ty không chỉ tuân thủ đúng, đủ theo yêu cầu pháp luật mà còn bổ sung thêm nhiều chế độ khác ưu đãi khác.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình đầu tư dự án trong năm 2016

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Công việc đã thực hiện
A	Đầu tư xây dựng cơ bản	22.705.050	
1	Thuê Cửa hàng xăng dầu Ia Tul	825.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 21/01/2016
2	Thuê Cửa hàng xăng dầu Cheo Reo	1.375.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 21/01/2016
3	Thuê Cửa hàng xăng dầu Pờ Tó	1.072.500	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 24/01/2016
4	Thuê Cửa hàng xăng dầu Phú Bổn	1.512.500	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 24/01/2016
5	Thuê Cửa hàng xăng dầu Ia Mơn	825.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 24/01/2016
6	Thuê Cửa hàng xăng dầu Hòa Bình	2.640.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 30/01/2016
7	Thuê Cửa hàng xăng dầu Ia Pa	1.375.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 28/7/2016
8	Mua Cửa hàng xăng dầu Củng Sơn	5.345.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 02/9/2016
9	Thuê Cửa hàng xăng dầu Phú Thiện	945.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 17/12/2016
10	Xây dựng mới Cửa hàng xăng dầu Bình Kiến	3.284.000	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 17/12/2016
11	Di dời Cửa hàng xăng dầu An Mỹ	3.506.050	Khai trương và đi vào hoạt động ngày 28/7/2016
B	Mua sắm trang thiết bị	1.371.600	
1	Mua mới xe ô tô loại 07 chỗ hiệu Hyundai Santafe	1.371.600	



Công ty liên kết

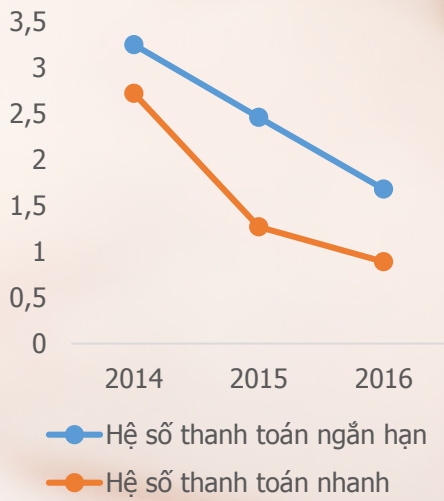
Công ty	Địa chỉ	HĐKD	Số ĐKDN	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ năm giữ (%)
Công ty CP Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên	Thôn Vững Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Gas CN và gas dân dụng	3603000029	24.000	39

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	155	189	21,94
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.752	1.320	-24,66
Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	15	20	33,33
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	7	6	-14,29
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22	26	18,18
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17	22	29,41
Tỷ lệ cổ tức	%	13	Dự kiến 7 (*)	-
EPS	Đồng	1.700	2.143	-20,67

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/4/2016.

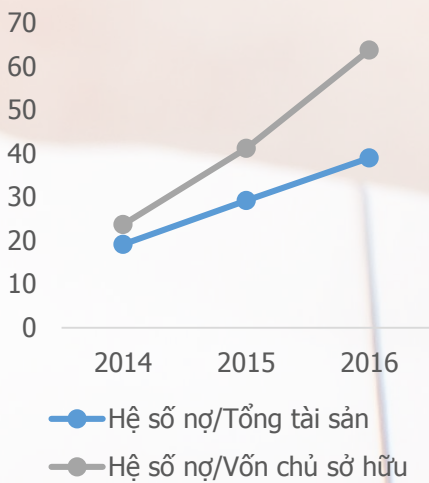
Khả năng thanh toán ĐVT: lần



Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty năm 2016 lần lượt là 1,68 và 0,89. Cả 2 chỉ số này đều giảm so với các năm gần đây. Nguyên nhân chính là giá trị hàng tồn kho trong năm tăng hơn 5 tỷ đồng và nợ ngắn hạn cũng tăng mạnh từ 45,07 tỷ đồng lên 73,41 tỷ đồng dẫn đến tình trạng dòng tiền mất cân đối giữa thu và chi của Công ty.

Cơ cấu vốn ĐVT: %



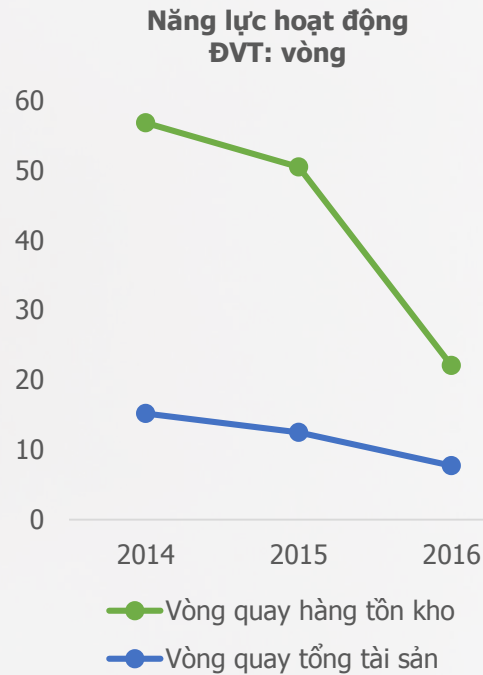
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản có xu hướng tăng trong năm 2016 từ 29,17% lên 38,94%. Tương tự với hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng thêm 23% so với các năm qua, chủ yếu là nợ ngắn hạn gia tăng so với các năm trước. Nguyên nhân chính do trong năm 2016, Công ty đã mở rộng kinh doanh từ việc từ việc phát triển tăng thêm 10 cửa hàng xăng dầu trong và ngoài tỉnh Phú Yên dưới các hình thức mua, xây dựng mới và thuê dài hạn nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

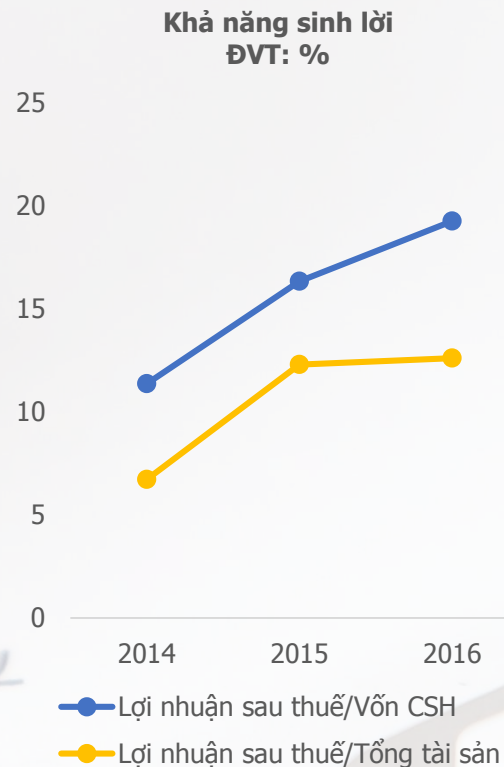
Vòng quay hàng tồn kho của Công ty có giá trị lớn do đặc thù ngành bán lẻ xăng dầu. Vì thế, trong năm qua giá trị hàng tồn kho tăng hơn 5 tỷ đồng cũng như gặp khó khăn trong khâu đầu ra do tình hình dầu khí biến động đã làm cho vòng quay hàng tồn kho giảm xuống còn 22,07 vòng.

Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản của Công ty năm 2016 là 7,7 vòng giảm so với các năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu do giá dầu trên thế giới giảm dẫn đến doanh thu của Công ty giảm đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2016 Công ty đã phát triển thêm 10 cửa hàng xăng dầu trong và ngoài tỉnh Phú Yên đã làm cho tổng tài sản tăng gần 34 tỷ đồng so với năm 2015.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hầu hết các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2016 đều có xu hướng tăng so với những năm gần đây. Trong đó, chỉ số ROA năm 2016 đạt 12,62% tăng 2,5% so với năm 2015 do lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng hơn 4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí đầu vào của Công ty giảm mạnh hơn so với mức giá giảm của đầu ra. Chỉ số ROE năm 2016 đạt 19,27%, lần lượt tăng 69,48% và 17,93% so với năm 2014 và 2015. Do Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nhằm tăng cường việc tái đầu tư, mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty. Từ đó cho thấy rằng Công ty đã có những chiến lược hợp lý và đúng đắn để đạt được những kết quả tích cực trong những năm qua trước sự biến động của thị trường dầu khí thế giới.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

- ✓ Vốn điều lệ: 82.400.000.000 đồng
- ✓ Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 8.240.000 cổ phiếu
- ✓ Cổ phiếu phổ thông: 8.240.000 cổ phiếu
- ✓ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.240.000 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần (cp)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	208	8.239.800	82.398.000	99,99
	Cổ đông nhà nước	1	5.531.360	55.313.600	67,13
	Cổ đông tổ chức	2	524.601	5.246.010	6,36
	Cổ đông cá nhân	205	2.183.839	21.838.390	26,51
2	Cổ đông nước ngoài	1	200	2.000	0,002
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	1	200	2.000	0,002
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	209	8.240.000	82.400.000	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam	Lầu 14-17 Nhà số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	5.531.360	55.313.600	67,13
2	Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	20 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	514.037	5.140.370	6,24
3	Đỗ Tiến Cường	49 Đường Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	728.710	7.287.100	8,84
4	Lê Thị Liên	49 Đường Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	512.510	5.125.100	6,22
Tổng cộng			7.286.617	72.866.170	88,43

Thông tin cổ phiếu

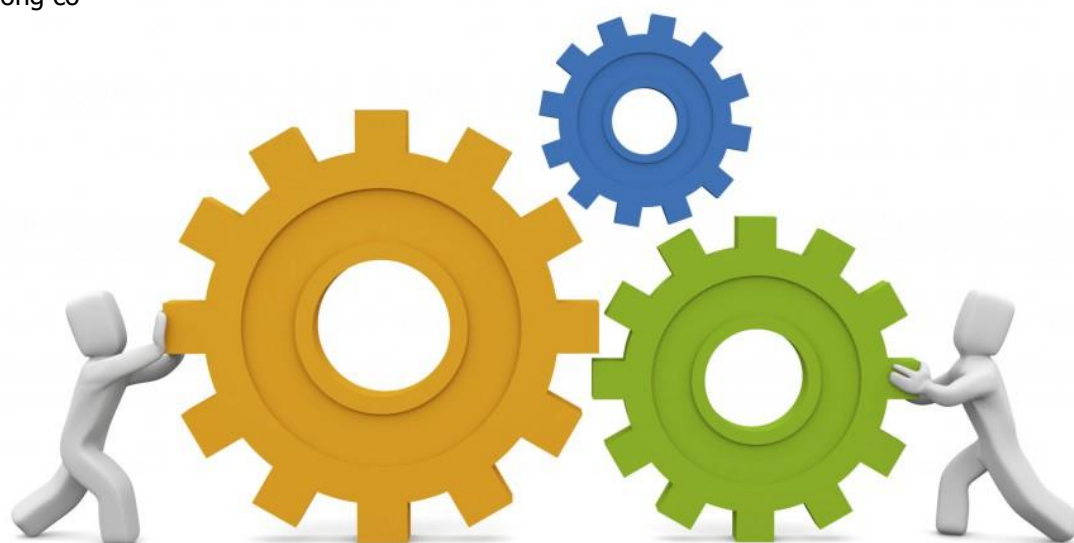
Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty trong năm 2016 không có sự thay đổi so với năm 2015.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2016, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên liệu

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của PV OIL Phú Yên là xăng dầu, do đó công tác quản lý nguồn nguyên liệu luôn được Công ty chú trọng đến. Từ khâu vận chuyển đến quá trình lưu trữ, bán hàng đều phải đảm bảo tính an toàn cao tránh các trường hợp cháy nổ có thể xảy ra. Bên cạnh đó, các chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho luôn được quản lý chặt chẽ và đưa ra các chính sách hợp lý nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.



Tiêu thụ năng lượng

Tình hình tiêu thụ năng lượng tại PV OIL Phú Yên năm 2016:

Các nhiên liệu, năng lượng, tiêu thụ	Năm 2015		Năm 2016	
	Sản lượng	Thành tiền (đồng)	Sản lượng	Thành tiền (đồng)
Dầu DO (lít)	6.591	83.192.912	6.047	53.118.717
Nhớt (lít)	554	19.143.563	390	15.168.160
Điện (Kwh)	296.240	895.837.411	429.834	1.096.936.368

Nhiên liệu xuất dùng nội bộ tại Công ty chủ yếu là Dầu DO và Nhớt phục vụ trong quá trình vận chuyển và sử dụng máy nổ khi mất điện lưới. Năm 2016, tình hình sử dụng nhiên liệu giảm đáng kể so với năm 2015 cả về số lượng sử dụng lẫn giá trị cho thể hiện rõ tinh thần tiết kiệm, vì một môi trường xanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường luôn được Công ty tuân thủ nghiêm túc và được giám sát chặt chẽ. Công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, quyền lợi đối với việc phát triển bền vững của cộng đồng, xã hội và của Công ty

Trong năm 2016, Công ty luôn tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khoẻ và không để xảy ra các sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

Ngoài ra, với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn có các khoá tập huấn, tuyên truyền bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, khuyến khích toàn thể nhân viên chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả.



Tiêu thụ nước

Hoạt động kinh doanh của PV OIL Phú Yên không sử dụng nước cứng như không phát sinh nước thải độc hại. Nước sinh hoạt trong quản lý có giá trị không đáng kể

Tiêu thụ nước	Năm 2015	Năm 2016
Chi phí đã bao gồm VAT (đồng)	22.941.087	28.666.452

Chính sách liên quan đến người lao động

PV OIL Phú Yên xây dựng chính sách lương dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý với phương pháp đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công việc. Song song với đó, hằng năm PV OIL Phú Yên còn thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình an toàn lao động, đảm bảo sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty.



Công tác khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV được Công ty duy trì. Hàng năm, Công ty còn tổ chức chương trình tư vấn sức khỏe. Bác sĩ tư vấn sẽ đưa ra những khuyến cáo khám bệnh chuyên sâu hoặc làm xét nghiệm cần thiết để theo dõi sức khỏe của CBCNV.

Bên cạnh đó, hằng năm PV OIL Phú Yên còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ như chương trình họp mặt cuối năm và đầu năm, hội thao cho tất cả các CBCNV của Công ty, ... nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, kích lệ tinh thần một cách hiệu quả, an toàn, tiết kiệm giúp tái tạo sức lao động để bắt đầu lại công việc hằng hái hơn.





Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc theo đuổi mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và các cổ đông trong Công ty, Ban lãnh đạo PV OIL Phú Yên còn đặc biệt chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội.

Với mong muốn xây dựng xã hội phát triển bằng việc đem lại những hành động thiết thực như: quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt miền Trung, hỗ trợ các chương trình cho giáo dục, tài trợ chương trình "Nhịp cầu nhân ái" của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Phú Yên để quyên góp ủng hộ cho các hoàn cảnh khó khăn,..... Qua đó tiếp tục khẳng định thông điệp luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống của cộng đồng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**





ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% TH 2016/2015	%TH/KH 2016
Doanh thu	Tỷ đồng	1.752	1.761	1.320	75,34	74,95
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22	13	26	118,18	200,00

Tình hình kinh tế nước ta năm 2016 diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, thương mại và giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp và chưa có dấu hiệu phục hồi, đặc biệt là giá dầu thô thế giới vẫn liên tục được giao dịch quanh ngưỡng 40-45 USD/thùng, đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị ngành dầu khí nói chung và Công ty nói riêng.



Năm 2016, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục theo định hướng mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, tuy nhiên, chỉ tiêu về tổng doanh thu vẫn không đạt được mức kế hoạch. Doanh thu bán hàng chỉ đạt 1.320 tỷ đồng, giảm 24,66% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tình hình ngành dầu khí trên thế giới biến động phức tạp, giá dầu giảm liên tục so với những năm trước vừa khiến cho doanh thu Công ty ảnh hưởng nghiêm trọng nhưng cũng nhờ đó làm giảm chi phí giá vốn hàng bán, khiến cho lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 18,18% so với năm 2015 và vượt 100% kế hoạch đề ra.



Công tác đầu tư xây dựng cửa hàng

Năm 2016, Công ty đã phát triển thêm 10 cửa hàng xăng dầu mới, nâng tổng số cửa hàng hoạt động lên 30. Cụ thể như sau:



CỬA HÀNG XĂNG DẦU IA TUL

- ✓ ĐỊA CHỈ: XÃ IA TUL, HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI, VIỆT NAM
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3881239

CỬA HÀNG XĂNG DẦU CHEO REO

- ✓ ĐỊA CHỈ: 1 LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG CHEO REO, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3657177



CỬA HÀNG XĂNG DẦU PỜ TÓ

- ✓ ĐỊA CHỈ: XÃ PỜ TÓ, HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3857170



CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHÚ BỒN

- ✓ ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN, PHƯỜNG CHEO REO, THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3657003



CỬA HÀNG XĂNG DẦU IA MƠN

- ✓ ĐỊA CHỈ: XÃ IA MƠN, HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3655636

CỬA HÀNG XĂNG DẦU HÒA BÌNH

- ✓ ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG NGUYỄN VIẾT XUÂN, PHƯỜNG HÒA BÌNH, THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3852659



CỬA HÀNG XĂNG DẦU IA PA

- ✓ ĐỊA CHỈ: THÔN MA RIN 3, XÃ IA MƠN, HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3655145



CỬA HÀNG XĂNG DẦU CÙNG SƠN

- ✓ ĐỊA CHỈ: KHU PHỐ TÂY HÒA, HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 057.3861213

CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHÚ THIỆN

- ✓ ĐỊA CHỈ: XÃ CHƯ A THAI, HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 059.3622598



CỬA HÀNG XĂNG DẦU BÌNH KIẾN

- ✓ ĐỊA CHỈ: ĐẠI LỘ NGUYỄN TẤT THÀNH, XÃ BÌNH KIẾN, TP TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN.
- ✓ ĐIỆN THOẠI: 057.3818788



Công tác an toàn sức khỏe, môi trường và BHLĐ

- ✓ Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường được chú trọng và triển khai tích cực, không có tai nạn sự cố xảy ra gây thiệt hại cho con người, tài sản, môi trường cũng như uy tín của Công ty.
- ✓ Thực hiện tốt công tác an toàn thường niên: tuyên truyền an toàn, Hội thao Phòng cháy chữa cháy, Hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV; công tác Bảo hiểm lao động được tuân thủ và hoạt động nghiêm ngặt.



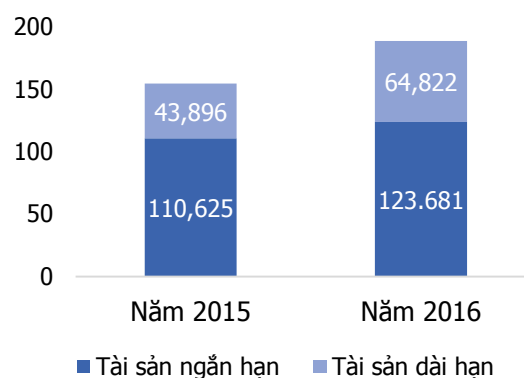
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	110,625	123,681
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	43,896	64,822
Tổng tài sản	Tỷ đồng	154,520	188,503

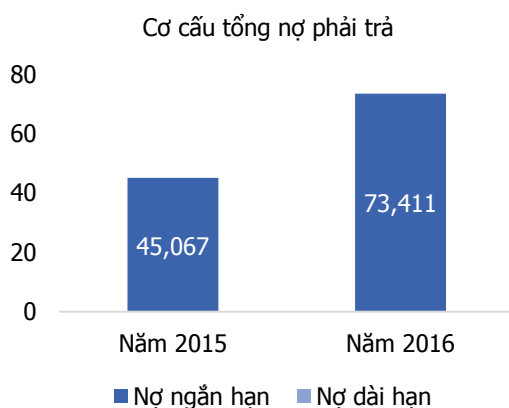
Tổng tài sản của Công ty tăng 22% so với năm 2015, trong đó, tài sản ngắn hạn đạt gần 124 tỷ đồng, chiếm 65,61% trên tổng tài sản và tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước và tài sản dài hạn cũng có sự gia tăng từ 43,896 tỷ đồng lên 64,822 tỷ đồng tương đương tăng với tỷ lệ 34,39% so với năm 2015. Nguyên nhân là do Công ty trong năm đã phát triển thêm 10 cửa hàng xăng dầu trong và ngoài tỉnh Phú Yên dưới các hình thức mua, xây dựng mới và thuê dài hạn. Tổng số cửa hàng xăng dầu mà PV OIL Phú Yên đang hoạt động kinh doanh là 30 cửa hàng.

Cơ cấu tổng tài sản



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	45,067	73,411
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	-	-
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	45,067	73,411



Trong năm 2016, tổng nợ phải trả của Công ty là 73,411 tỷ đồng chủ yếu đến từ khoản nợ vay ngắn hạn. Khoản mục này đã tăng 63% so với năm trước, nguyên nhân là do việc chiếm dụng vốn người bán có sự tăng cao từ 8,4 tỷ lên thành 38,2 tỷ. Về cơ cấu nợ dài hạn không có sự thay đổi so với năm trước do trong năm Công ty không có các khoản vay dài hạn nào phát sinh thêm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



- ✓ Trong năm 2016, Công ty không có thay đổi trong ban điều hành.
- ✓ Phát triển thêm 10 cửa hàng xăng dầu trong và ngoài tỉnh Phú Yên nâng tổng số cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty lên 30.
- ✓ Công ty cung ứng thêm 2 mặt hàng được xuất từ Kho Xăng dầu Vũng Rô, đó là Xăng RON 95 và Xăng E5 RON92-II.
- ✓ Áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm giảm thời gian gian nhận, giảm hao hụt, tăng sản lượng, tiết kiệm chi phí vận chuyển.
- ✓ Quy trình đào tạo người lao động được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu công việc và tình hình thực tế của Công ty.
- ✓ Thực hiện đầy đủ mọi chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017
1	Sản lượng xăng dầu	Nghìn lít	141.813	147.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.320	1.310
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26	14 (*)

(*) Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2016 chưa bao gồm các khoản hoàn nhập dự phòng

Để thực hiện được các chỉ tiêu về sản lượng, tài chính và đầu tư nêu trên, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và quản lý, những giải pháp chủ yếu sau đây sẽ được Ban Giám đốc Công ty triển khai như sau:

- ✓ Giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, tìm kiếm thêm các khách hàng mới, đầu tư cơ sở vật chất, linh hoạt về chiết khấu, hạn mức công nợ và thanh toán nhằm tạo sự gắn kết lâu dài giữa các đơn vị với hệ thống phân phối.
- ✓ Không ngừng nâng cao sản lượng và phát triển thương hiệu PV OIL Phú Yên trên địa bàn được phân công, đặc biệt là ở các cửa hàng kinh doanh trực thuộc Công ty.
- ✓ Đầu tư bảo dưỡng, sửa chữa hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất ở Kho Xăng dầu Vũng Rô theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo Kho hoạt động an toàn, hiệu quả.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giảm hao hụt để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ✓ Tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



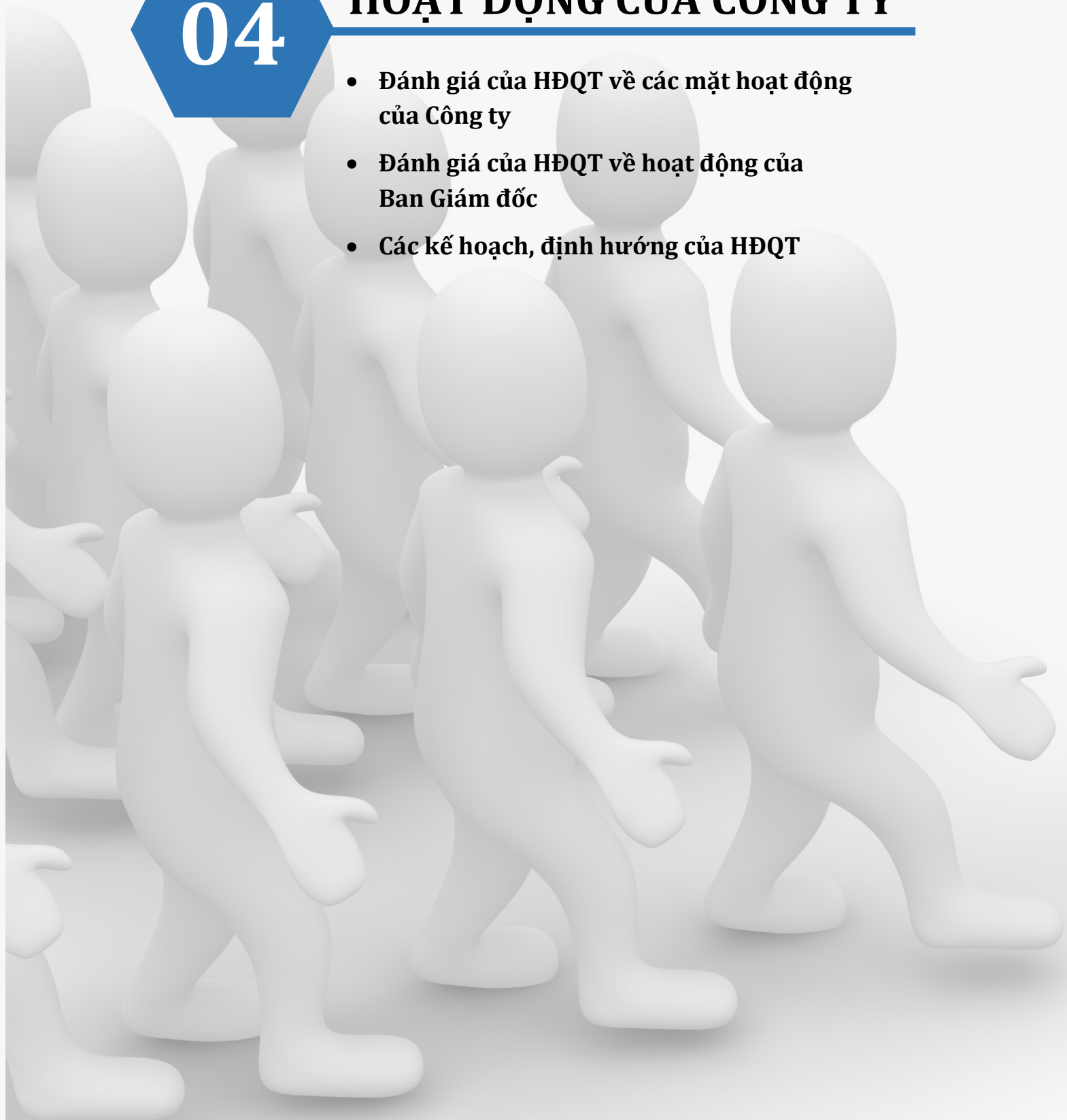
- ✓ Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng vấn đề môi trường trong quá trình kinh doanh và vận chuyển, lưu trữ hàng hóa. Tiến hành phân loại từng mã chất thải để có biện pháp xử lý phù hợp, ký hợp đồng thu gom xử lý với các đơn vị có chức năng.
- ✓ Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn – phòng tránh cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động kinh doanh.
- ✓ Đưa ra những chính sách phù hợp nhằm khuyến khích khả năng sáng tạo, nâng cao năng suất của người lao động. Hằng năm, Công ty đều tiến hành tổng hợp, đánh giá và trao giải cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong hoạt động kinh doanh của người lao động



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc**
- **Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**







ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, tình hình kinh doanh của Công ty như sau:

- ✓ Sản lượng kinh doanh 141,8 triệu lít không hoàn thành so với kế hoạch đã đề ra.
- ✓ Doanh thu bán hàng chỉ đạt 1.320 tỷ đồng giảm 432 tỷ so với năm trước và chưa vượt kế hoạch đề ra so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm phải kể đến tình hình dầu khí trên thế giới đang diễn biến phức tạp, giá dầu chỉ dao động ở ngưỡng 40-45 USD/thùng cùng với những nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nga, Anh,... đang lâm vào tình cảnh không ổn định. Chính điều này đã tác động không nhỏ đến tổng doanh thu của Công ty.
- ✓ Giá dầu giảm thấp vừa đem lại khó khăn cho tình hình doanh thu của Công ty nhưng đây cũng là thuận lợi khi làm giảm các chi phí đầu vào. Trong năm qua, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty đã giảm gần 437 tỷ đồng giúp lợi nhuận trước thuế tăng từ 22 tỷ lên 26 tỷ đồng so với cùng kỳ và vượt 100% kế hoạch đề năm 2016.

Về kinh doanh

- ✓ Giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, tìm kiếm thêm các khách hàng mới thông qua việc vận dụng linh hoạt các công cụ về chiết khấu và đầu tư cơ sở vật chất.
- ✓ Không ngừng nâng cao sản lượng và quảng bá thương hiệu PV OIL Phú Yên trên địa bàn được phân công, đặc biệt là các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty.
- ✓ Công tác chăm sóc khách hàng được đảm bảo, xây dựng ngày càng hiệu quả để khách hàng tăng sản lượng tiêu thụ.

Về tài chính

- ✓ Quản lý chặt chẽ về công nợ, không để phát sinh nợ xấu và tích cực thu hồi nợ cũ từ khách hàng đang sử dụng sản phẩm dịch vụ của PV OIL Phú Yên.

Về xây dựng, lắp đặt

- ✓ Đầu tư bảo dưỡng, sửa chữa hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất ở Kho Xăng dầu Vũng Rô theo kế hoạch đã được phê duyệt để đảm bảo Kho hoạt động an toàn, hiệu quả. Hoàn tất việc di dời, xây dựng mới cửa hàng xăng dầu An Mỹ; chỉnh trang, sửa chữa, nâng cấp hệ thống sân nền bê tông ở các cửa hàng xăng dầu khác.
- ✓ Đánh giá, giám sát dự án đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đúng tiến độ dự án.

Trách nhiệm đối với người lao động, môi trường và xã hội

Các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp luôn được thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành. Ngoài ra Công ty còn mua thêm bảo hiểm con người, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho người lao động làm việc tại Công ty. Tuân thủ đúng các quy định về Luật bảo vệ môi trường. Thường xuyên diễn tập công tác phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao kỹ năng xử lý trong mọi tình huống xảy ra.

ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Trong năm 2016, HĐQT thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của Ban Giám đốc thông qua các quyết định, nhiệm vụ cụ thể và thực hiện báo cáo thường xuyên theo quy chế của Công ty. Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT nên việc duy trì chế độ báo cáo được thực hiện thường xuyên, hàng tháng, hàng quý đều có báo cáo cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh Công ty.

Tổng kết năm 2016, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét phê duyệt cũng như tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2017, HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả kinh doanh, chủ yếu tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- ✓ Phát triển ổn định, giữ vững thị trường và uy tín thương hiệu, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động kinh doanh với bảo vệ môi trường, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ ước tính đạt 147.000 m³ trong năm 2017, tăng trưởng 4,14% so với năm 2016.
- ✓ Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu, tập trung xử lý, thu hồi nợ cũ, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- ✓ Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư mở rộng CHXD theo các hình thức (đầu tư, mua, thuê dài hạn, hợp tác đầu tư,...). Thực hiện phát triển thêm tối thiểu 3 CHXD mới.
- ✓ Tập trung gia tăng sản lượng cửa hàng xăng dầu trực tiếp thông qua gia tăng sản lượng các cửa hàng hiện hữu và phát triển thêm nhiều cửa hàng trong năm 2017.
- ✓ Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cửa hàng xăng dầu, Kho Xăng dầu Vũng Rô và năng lực quản trị điều hành thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin/ERP, tự động hóa và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
- ✓ Phối hợp với Tổng công ty triển khai đầu tư dự án "Hệ thống phần mềm tích hợp quản lý bán hàng tại các cửa hàng xăng dầu và quản lý hàng hoá tại các kho trung chuyển".

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích







THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thái Định	Thành viên HĐQT
3	Mai Bích Thủy	Thành viên HĐQT
4	Trần Văn Hay	Thành viên HĐQT
5	Lê Duy Tường	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Anh Toàn – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh : 17/9/1962
Nơi sinh : Hải Phòng
Địa chỉ thường trú : 134 Nguyễn Văn Đậu, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP HCM
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Thái Định – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh : 18/4/1961
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú : 606/175 đường 3/2, P 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Toán Điều khiển Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ : 1.690 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,02% vốn điều lệ



Bà Mai Bích Thủy – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh** : 20/12/1972
- Nơi sinh** : Hà Đông
- Địa chỉ thường trú** : 256-258 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP HCM
- Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế ngoại thương
- Số cổ phiếu nắm giữ** : 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ** : 0% vốn điều lệ

Ông Trần Văn Hay – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh** : 12/10/1974
- Nơi sinh** : Phú Yên
- Địa chỉ thường trú** : KP 3, Phường Phú Thạnh, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Trình độ chuyên môn** : Đại học chuyên ngành Ngân hàng
- Số cổ phiếu nắm giữ** : 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ** : 0% vốn điều lệ



Ông Lê Duy Tường – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh** : 09/5/1982
- Nơi sinh** : Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú** : 24 đường số 11, khu phố Phước Hậu, phường 9, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Trình độ chuyên môn** : Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
- Số cổ phiếu nắm giữ** : 4.437 cổ phiếu
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ** : 0,05% vốn điều lệ





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch HĐQT	03	100
2	Nguyễn Thái Định	TV HĐQT	03	100
3	Mai Bích Thủy	TV HĐQT	03	100
4	Trần Văn Hay	TV HĐQT	03	100
5	Lê Duy Tường	TV HĐQT	02	66,7



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.



Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT nên việc duy trì chế độ báo cáo được thực hiện thường xuyên. Hàng tháng, quý đều có báo cáo cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà các thành viên HĐQT đều tham gia điều hành Công ty, cùng xem xét, nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM**



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQLYK-HĐQT/2016	07/01/2016	Thông qua đề xuất trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015
2	06/NQLYK-HĐQT/2016	05/02/2016	Thông qua trích lập quỹ khen thưởng để thưởng cho cán bộ quản lý công ty
3	17/NQ-HĐQT/2016	21/04/2016	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2016
4	18/NQ-HĐQT/2016	26/04/2016	Họp đình kỳ quý 1/2016, thông qua hoạt động quý 1/2016 của công ty và các vấn đề liên quan khác
5	21/NQLYK-HĐQT/2016	07/05/2016	Thông qua việc bàn giao cho Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của công ty
6	22/NQ-HĐQT/2016	22/07/2016	Họp HĐQT kỳ 2/2016 thông qua hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 và các vấn đề liên quan khác
7	29/NQLYK-HĐQT/2016	15/08/2016	Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ máy điều hành công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên
8	31/NQ-HĐQT/2016	27/10/2016	Họp HĐQT kỳ 3/2016 thông qua hoạt động 9 tháng đầu năm 2016 và các vấn đề liên quan khác



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Huỳnh Minh Triết	Trưởng BKS
2	Nguyễn Anh Tuấn	Kiểm soát viên



Ông Huỳnh Minh Triết – Trưởng BKS

Ngày tháng năm sinh : 10/3/1962
Nơi sinh : Huế
Địa chỉ thường trú : 85/31 Trần Đình Xu, Quận 1, TP HCM
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm soát viên

Ngày tháng năm sinh : 04/3/1981
Nơi sinh : Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : E163 Chung cư An Phú – 961 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP HCM
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ





Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2016 bao gồm

- ✓ Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, BKS có ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động kinh doanh của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- ✓ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết HĐQT.



- ✓ Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông như: cập nhật thông tin cổ đông, các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu và hoạt động công bố thông tin.
- ✓ Kiểm soát định kỳ theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- ✓ Ban kiểm soát đóng vai trò kết nối giữa HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác trên tinh thần đoàn kết chặt chẽ. Sự phối hợp giữa các bộ phận giúp cho Công ty ngày càng phát triển bền vững.



Hoạt động khác của BKS

- ✓ Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật hiện hành và có thể áp dụng vào thực tế tại Công ty.





LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 19/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 26/04/2016 đã thông qua số tiền thù lao kế hoạch năm 2016 là:

- ✓ Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng
- ✓ Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng
- ✓ Kiểm soát viên: 2.000.000 đồng/người/tháng



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

- ✓ Không có



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

- ✓ Không có



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác quản trị theo Điều lệ, các quy chế, quy định và pháp luật hiện hành đối với Công ty đại chúng.

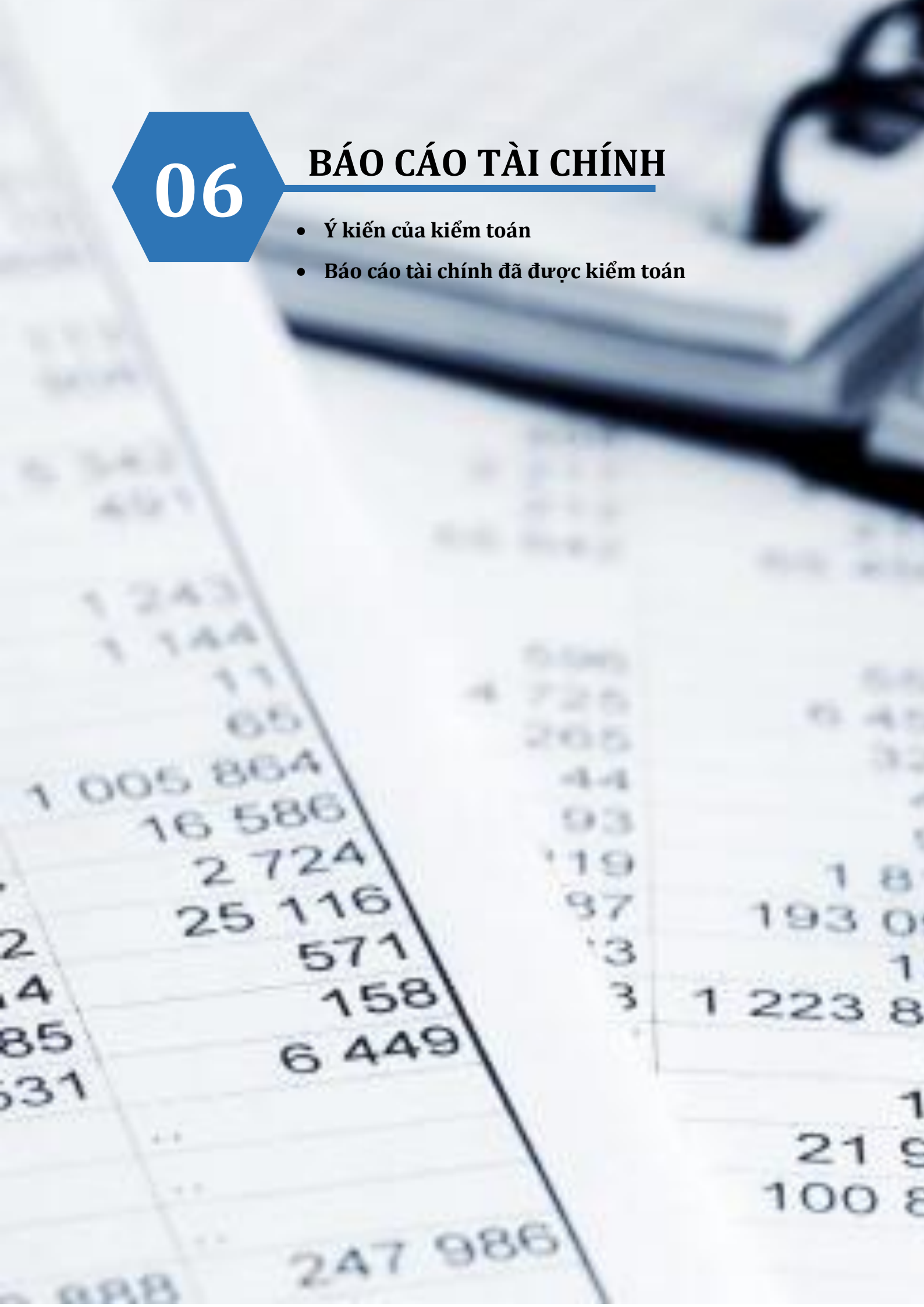




06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến của kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán





1 021			
7 792			
31			
1 429		43	
1 793		122	
		1 855	
211 618		247 532	2
190		192	
1 286 760		1 293 280	1 3
19		19	
103		98	
21 028		22 619	
112 703		122 196	

Số: 06 /2017/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/02/2017, từ trang 04 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, trong Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20/02/2017, kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phó Tổng giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Bùi Quốc Trung

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán 1937-2015-055-1

BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.681.364.648	110.624.516.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	185.439.817	740.012.351
1. Tiền	111		185.439.817	740.012.351
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.975.121.709	56.544.262.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.574.556.823	54.804.388.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		188.056.211	1.983.246.955
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	31.158.718.227	40.659.925.422
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.946.209.552)	(40.903.298.174)
III. Hàng tồn kho	140	7	58.629.560.923	53.333.698.048
1. Hàng tồn kho	141		58.629.560.923	56.372.422.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.038.724.271)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.891.242.199	6.543.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.521.431.660	5.509.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		297.111.314	1.034.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	72.699.225	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.821.726.846	43.895.649.263
I. Tài sản cố định	220		40.905.656.475	28.548.726.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.613.350.748	22.321.857.574
- Nguyên giá	222		75.708.208.000	64.685.991.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.094.857.252)	(42.364.133.746)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	10.292.305.727	6.226.869.000
- Nguyên giá	228		10.292.305.727	6.226.869.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		590.867.346	164.851.404
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	590.867.346	164.851.404
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.360.000.000	9.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	9.360.000.000	9.360.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.965.203.025	5.822.071.285
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.956.403.025	5.583.118.834
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.800.000	238.952.451
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.503.091.494	154.520.166.174

||
 .11
 NG
 HIỆ
 A
 V
 ||

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỔ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.411.029.266	45.066.799.619
I. Nợ ngắn hạn	310		73.411.029.266	45.066.799.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	38.182.298.672	8.418.758.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		569.215.419	1.116.682.230
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	18.476.723.941	24.232.301.730
4. Phải trả người lao động	314		9.556.301.856	9.316.379.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		44.000.000	141.240.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	420.469.331	364.146.717
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	2.000.022.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		809.122.839	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.352.875.208	1.477.290.265
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.092.062.228	109.453.366.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	115.092.062.228	109.453.366.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.314.835.426	16.173.052.814
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.377.226.802	10.880.313.741
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		393.415.914	499.087.660
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.983.810.888	10.381.226.081
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.503.091.494	154.520.166.174

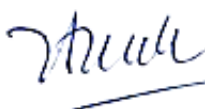
Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập



Huỳnh Khắc Nam

Kế toán trưởng



Võ Thị Hạnh



Giám đốc

Nguyễn Thái Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.320.073.045.860	1.752.260.756.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.254.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.320.062.791.315	1.752.260.756.030
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.235.748.935.914	1.672.575.752.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.313.855.401	79.685.003.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.784.744.608	963.488.649
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	49.233.342.013	45.071.671.749
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.669.221.628	20.996.207.062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.196.036.368	14.580.613.621
11. Thu nhập khác	31	25	6.153.883.696	7.827.870.312
12. Chi phí khác	32		154.709.091	343.418.227
13. Lợi nhuận khác	40		5.999.174.605	7.484.452.085
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.195.210.973	22.065.065.706
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.325.373.711	2.839.314.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	230.152.451	1.923.707.903
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.639.684.811	17.302.043.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.143	1.700

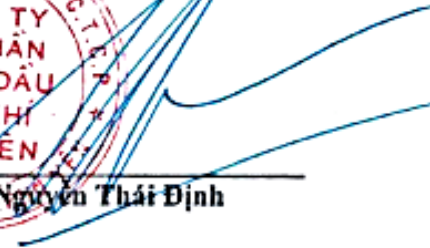
Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Khắc Nam

Võ Thị Hạnh

Nguyễn Thái Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.195.210.973	22.065.065.706
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.567.812.346	2.192.792.526
- Các khoản dự phòng	03	(12.186.052.344)	(751.530.865)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.915.653.699)	(990.508.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.661.317.276	22.515.819.367
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.157.453.797	1.994.492.109
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.257.138.604)	(43.498.001.121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.444.392.803	21.936.036.567
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.889.206.762)	2.071.424.926
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.430.918.644)	(4.271.743.940)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.414.041.905)	(1.722.894.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.271.857.961	(974.866.232)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.971.709.694)	(1.540.778.676)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	130.909.091	54.508.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.784.744.608	10.936.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.056.055.995)	9.449.729.324
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.000.022.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.770.396.500)	(8.177.037.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.770.374.500)	(8.177.037.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(554.572.534)	297.826.092
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	740.012.351	442.186.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	185.439.817	740.012.351

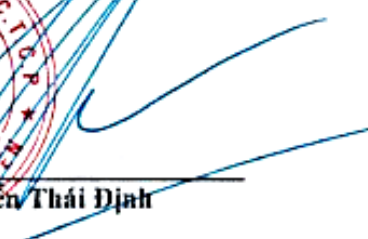
Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Khắc Nam

Võ Thị Hạnh

Nguyễn Thái Định

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4400114094 lần đầu ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 08/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Vốn điều lệ là 82.400.000.000 VND tương ứng với 8.240.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PPY.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 157 – 159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan. Mua bán khí đốt;
- Mua bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), mua bán nguyên liệu phi nông nghiệp;
- Mua bán nông, lâm sản xuất khẩu;
- Mua bán thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Vận chuyển hàng hóa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2016, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng tại Phú Yên, 05 Chi nhánh và 30 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trực thuộc.

Danh sách các chi nhánh và cửa hàng kinh doanh xăng dầu của Công ty bao gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty)	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên,
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Số 4, đường Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Bến xe Ninh Hòa, quốc lộ 1A, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 2, xã Ea M- Doal, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên,
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty) (tiếp)	
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ninh Hòa	Bến xe Ninh Hòa, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Krông Pa	Quốc lộ 25 Đốc đỏ, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Mả Rìn 3, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Đron, xã Pờ Tó, huyện IaPa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện IaPa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bản	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Thất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thái, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng của bên nhận đầu tư chưa được kiểm toán.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

18/11/2016

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không phải tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm chi phí thuê các cửa hàng xăng dầu, chi phí sửa chữa tài sản cố định... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí thuê các cửa hàng xăng dầu được phân bổ tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi phát sinh.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là khoản dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường phải trích lập đối với các đơn vị kinh doanh hóa chất, xăng, dầu. Khoản chi phí này được trích lập với tỷ lệ 0,5% trên doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động kinh doanh xăng, dầu và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm theo quy định tại thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; cổ tức, lợi nhuận được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	93.302.015	659.828.809
Tiền gửi ngân hàng	92.137.802	80.183.542
Cộng	185.439.817	740.012.351

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	62.574.556.823	54.804.388.717
Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn	13.996.774.299	12.372.646.600
Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn	11.859.063.000	11.131.070.020
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	4.239.924.400	3.933.353.000
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Việt Hưng	3.999.460.000	3.546.192.000
Công ty CP Xăng dầu thương mại dịch vụ HATACO	2.912.250.500	2.920.732.000
DNTN Vận tải và thương mại Cúc Tư	2.002.961.800	624.487.880
Phải thu các khách hàng khác	23.564.122.824	20.275.907.217
Phải thu của khách hàng dài hạn hạn	-	-
Cộng	62.574.556.823	54.804.388.717
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	176.937.158	113.844.951
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	147.878.236	94.949.132
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	110.412.442	70.729.444
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	42.437.730	48.523.020
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	19.144.603	11.955.683
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	18.253.028	3.156.254
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	8.597.776	2.799.994
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	4.367.517	1.680.076
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.854.633	43.404.725
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	-	7.308.617

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	406.231.494	-	-	-
Hàng hoá	58.223.329.429	-	56.372.422.319	(3.038.724.271)
Cộng	58.629.560.923	-	56.372.422.319	(3.038.724.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

8. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên - Lãi tiền cho vay	30.604.952.041	30.604.952.041	40.604.952.041	40.604.952.041
Các khoản khác	553.766.186	-	54.973.381	-
Cộng	31.158.718.227	30.604.952.041	40.659.925.422	40.604.952.041

9. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Trên 3 năm	30.604.952.041	-	30.604.952.041	Trên 3 năm	40.604.952.041	-	40.604.952.041
Các khách hàng khác								
Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	165.310.370	-	165.310.370	Trên 3 năm	136.747.950	-	136.747.950
Phải thu tiền hàng	Từ 2 - 3 năm	245.634.680	73.690.404	171.944.276	Từ 2 - 3 năm	31.827.320	9.548.196	22.279.124
Phải thu tiền hàng	Từ 1 - 2 năm	8.005.730	4.002.865	4.002.865	Từ 1 - 2 năm	272.634.680	136.317.340	136.317.340
Phải thu tiền hàng	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	10.005.730	7.004.011	3.001.719
Cộng		31.023.902.821	77.693.269	30.946.209.552		41.056.167.721	152.869.547	40.903.298.174

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B09 - DN

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	48.889.600.525	6.765.019.197	8.889.321.144	142.050.454	64.685.991.320
Mua mới trong năm	-	6.201.740.605	1.251.612.727	-	7.453.353.332
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.405.952.188	-	-	-	4.405.952.188
Thanh lý, nhượng bán	-	(508.200.000)	-	-	(508.200.000)
Giảm khác	(328.888.840)	-	-	-	(328.888.840)
Tại ngày 31/12/2016	52.966.663.873	12.458.559.802	10.140.933.871	142.050.454	75.708.208.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	34.542.724.168	2.296.976.853	5.443.375.713	81.057.012	42.364.133.746
Khấu hao trong năm	888.669.912	1.972.323.934	670.656.882	36.161.618	3.567.812.346
Thanh lý, nhượng bán	-	(508.200.000)	-	-	(508.200.000)
Giảm khác	(328.888.840)	-	-	-	(328.888.840)
Tại ngày 31/12/2016	35.102.505.240	3.761.100.787	6.114.032.595	117.218.630	45.094.857.252
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	14.346.876.357	4.468.042.344	3.445.945.431	60.993.442	22.321.857.574
Tại ngày 31/12/2016	17.864.158.633	8.697.459.015	4.026.901.276	24.831.824	30.613.350.748
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	32.791.796.114	712.086.316	3.818.929.714	42.661.818	37.365.473.962

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 157 – 159 đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; tại các cửa hàng xăng dầu Sơn Nguyên và Củng Sơn tại huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên và tại cửa hàng xăng dầu Bình Kiến tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trạm pha chế xăng E5 tại Kho Xăng dầu Vũng Rô	-	164.851.404
Chi phí xây dựng cửa hàng Xăng dầu	590.867.346	-
- Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp	353.900.073	-
- Cửa hàng xăng dầu Phú Ân	222.240.000	-
- Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị	14.727.273	-
Cộng	590.867.346	164.851.404

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	9.360.000.000	-	-	9.360.000.000	-	-

Công ty đang nắm giữ 936.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên. Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.521.431.660	5.509.089
Chi phí làm biển hiệu tại các cửa hàng xăng dầu	656.018.791	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	164.208.944	-
Các khoản chi phí khác	701.203.925	5.509.089
Dài hạn	13.956.403.025	5.583.118.834
Tiền thuê cửa hàng xăng dầu	13.551.699.802	4.222.467.551
Lợi thế kinh doanh	-	1.067.217.651
Chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu	267.718.132	-
Chi phí khác	136.985.091	293.433.632

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	38.182.298.672	38.182.298.672	8.418.758.748	8.418.758.748
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	34.706.197.858	34.706.197.858	7.268.987.910	7.268.987.910
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Phong	689.612.487	689.612.487	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	2.786.488.327	2.786.488.327	1.149.770.838	1.149.770.838
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	38.182.298.672	38.182.298.672	8.418.758.748	8.418.758.748
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	34.706.197.858	34.706.197.858	7.268.987.910	7.268.987.910
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Quảng Ngãi	177.937.522	177.937.522	89.619.690	89.619.690
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Xí nghiệp tổng kho xăng dầu Miền Đông	-	-	13.887.111	13.887.111

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	2.000.022.000	2.000.022.000	3.000.022.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	2.000.022.000	2.000.022.000	3.000.022.000	1.000.000.000	-	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khoản vay Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên theo hợp đồng thấu chi số 01/2016/650320/HĐTC ngày 20/09/2016. Hạn mức thấu chi là 10 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 20/09/2016. Thời hạn thấu chi là tối đa 59 ngày và trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Mục đích thấu chi: phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	882.402.871	34.413.127.123	33.460.455.531	1.835.074.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.385.023.022	4.325.373.711	5.430.918.644	279.478.089
Thuế thu nhập cá nhân	214.647.387	1.451.546.571	1.177.785.319	488.408.639
Thuế đất, tiền thuê đất	-	698.265.286	770.964.511	(72.699.225)
Thuế bảo vệ môi trường	21.750.228.450	307.774.763.250	313.651.228.950	15.873.762.750
Các loại thuế khác	-	33.000.000	33.000.000	-
Cộng	24.232.301.730	348.696.075.941	354.524.352.955	18.404.024.716
Trong đó				
<i>Số thuế phải thu nhà nước</i>	-			72.699.225
<i>Số thuế phải trả nhà nước</i>	24.232.301.730			18.476.723.941

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	420.469.331	364.146.717
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.597.350	100.993.850
Tiền bảo hành công trình	278.754.613	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.117.368	263.152.867
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	82.400.000.000	11.569.913.646	8.401.644.240	102.371.557.886
Lãi trong năm	-	-	17.302.043.469	17.302.043.469
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	4.940.613.041 (337.473.873)	(15.160.817.388) 337.443.420	(10.220.204.347) (30.453)
Điều chỉnh giảm quỹ phân phối từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2016	82.400.000.000	16.173.052.814	10.880.313.741	109.453.366.555
Lãi trong năm	-	-	21.639.684.811	21.639.684.811
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	(1.536.458.590)	(10.486.897.827)	(12.023.356.417)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (**)	-	4.678.241.202	(8.655.873.923)	(3.977.632.721)
Tại ngày 31/12/2016	82.400.000.000	19.314.835.426	13.377.226.802	115.092.062.228

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2016, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty như sau: Chia cổ tức 10.712.000.000 đồng tương ứng 13% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.041.560.764 đồng (đã phân phối trong năm 2015 là 1.980.204.347 đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 250.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 3.404.154.451 đồng (đã phân phối trong năm 2015 là 4.940.613.041 đồng). Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã chi trả 10.770.396.500 đồng tiền cổ tức cho các cổ đông (trong đó, Công ty chi trả cổ tức năm 2015 là 10.688.559.700 đồng).

(**) Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển: 4.678.241.202 đồng, trích quỹ tiền thưởng phúc lợi: 3.727.632.721 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành: 250.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng công ty Dầu Việt Nam	55.313.600.000	55.313.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.086.400.000	27.086.400.000
Cộng	82.400.000.000	82.400.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	82.400.000.000	82.400.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	82.400.000.000	82.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.712.000.000	8.240.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016 Lít (V15)	01/01/2016 Lít (V15)
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Ethanol (E100)	38.411	-
- Xăng các loại	2.110.620	633.726
- Dầu các loại	2.898.761	818.057

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	1.315.624.545.096	1.748.486.703.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.448.500.764	3.774.052.596
Cộng	1.320.073.045.860	1.752.260.756.030
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.254.545	
Hàng bán bị trả lại	10.254.545	-
Doanh thu thuần	1.320.062.791.315	1.752.260.756.030

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	80.542.002	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	2.510.909.090	2.034.545.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.192.636.363	2.725.227.273
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	114.054.545	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.584.227.272	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	8.834.999.999	198.545.455
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	402.155.838	578.534.691
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	50.048.906	185.944.509
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	256.036.341	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	165.120.051	143.305.447
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	118.982.632	80.735.264
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.156.836.320	809.406.376
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	29.426.524	196.392.593
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	149.971.523	113.612.756
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	-	29.503
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	91.344.135	157.331.243
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	53.423.103	263.719.912
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.008.294.863	1.029.806.608
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	1.120.324.376	709.362.097
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	130.984.790	122.074.360

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.238.787.660.185	1.669.537.027.976
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.038.724.271)	3.038.724.271
Cộng	1.235.748.935.914	1.672.575.752.247

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	40.744.608	27.488.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.744.000.000	936.000.000
Cộng	3.784.744.608	963.488.649

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	18.669.221.628	20.996.207.062
Chi phí nhân viên	17.157.360.155	14.505.793.591
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	797.686.088	956.906.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	580.338.894	521.450.985
Thuế, phí lệ phí	156.777.335	103.579.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.548.868.794	3.187.026.323
Chi phí bằng tiền khác	5.576.156.145	5.511.705.571
Chi phí dự phòng	(9.147.965.783)	(3.790.255.136)
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	49.233.342.013	45.071.671.749
Chi phí nhân viên	20.947.917.984	16.281.651.277
Chi phí vật liệu, bao bì	68.286.877	102.336.477
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.483.551.066	2.537.556.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.987.473.452	1.630.349.583
Chi phí vận chuyển	7.428.634.147	11.992.477.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.315.032.507	9.329.379.207
Chi phí bằng tiền khác	2.002.445.980	3.197.920.878

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	2.659.731.680	2.150.781.073
Xử lý kết quả kiểm kê thừa	3.305.606.471	5.319.137.806
Lãi thanh lý TSCĐ	130.909.091	-
Các khoản khác	57.636.454	357.951.453
Cộng	6.153.883.696	7.827.870.312

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.349.524.031	3.596.798.963
Chi phí nhân công	38.105.278.139	30.787.444.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.567.812.346	2.192.792.526
Chi phí dự phòng	(9.147.965.783)	(3.790.255.136)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.089.409.085	25.016.287.115
Chi phí khác bằng tiền	7.735.379.460	8.305.802.433
Cộng	70.699.437.278	66.108.870.769

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	26.195.210.973	22.065.065.706
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.568.342.419)	(9.159.091.460)
Trừ:	4.938.762.258	10.766.274.337
Thu nhập không chịu thuế	3.744.000.000	936.000.000
Chi phí trích trước năm trước có hóa đơn năm nay	141.240.292	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	1.053.521.966	9.830.274.337
Cộng:	370.419.839	1.607.182.877
Các khoản chi phí không được trừ	326.419.839	412.420.619
Chi phí trích trước năm nay chưa có hóa đơn	44.000.000	141.240.292
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	-	1.053.521.966
Thu nhập chịu thuế	21.626.868.554	12.905.974.246
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.325.373.711</u>	<u>2.839.314.334</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.150.762.258	8.635.512.079
Chi phí trích trước năm trước có hóa đơn năm nay	141.240.292	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	1.053.521.966	8.776.752.371
Chi phí trích trước năm nay chưa có hóa đơn	(44.000.000)	(141.240.292)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	230.152.451	1.923.707.903

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.639.684.811	17.302.043.469
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	3.977.632.721	3.291.560.764
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.662.052.090	14.010.482.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.240.000	8.240.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.143</u>	<u>1.700</u>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm	Giá trị ghi sổ Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.439.817	740.012.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.787.065.498	54.561.015.965
Cộng	62.972.505.315	55.301.028.316
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.000.022.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	39.369.931.202	8.681.911.615
Chi phí phải trả	44.000.000	141.240.292
Cộng	41.413.953.202	8.823.151.907

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tài sản tài chính quá hạn	31.023.902.821	41.056.167.721
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-	10.005.730
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.005.730	272.634.680
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	245.634.680	31.827.320
Quá hạn từ 03 năm trở lên	30.770.262.411	40.741.699.991
Tài sản tài chính giảm giá	-	-
Cộng	<u>31.023.902.821</u>	<u>41.056.167.721</u>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND
Số cuối năm		
Các khoản vay	2.000.022.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	39.369.931.202	-
Chi phí phải trả	44.000.000	-
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	<u>41.413.953.202</u>	<u>-</u>
Số đầu năm		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.681.911.615	-
Chi phí phải trả	141.240.292	-
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	<u>8.823.151.907</u>	<u>-</u>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

11/2011

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Quảng Ngãi	Chi nhánh của Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Xí nghiệp tổng kho xăng dầu Miền Đông	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PV OIL	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên kết

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Mua hàng		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.230.338.896.915	1.681.981.216.593
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PV OIL	2.125.702.618	2.383.059.006
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	1.377.909.091	4.956.000.000
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	708.124.000	793.100.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	2.732.727.273
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	14.679.481.817
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	625.345.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	450.818.182
Phí dịch vụ thuê ngoài		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	950.352.091	623.231.422
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	955.372.534	583.142.198
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	14.166.781	40.713.864
Chi trả cổ tức trong năm		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	7.190.768.000	5.531.360.000
Thường thanh toán trước hạn nhận được		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	2.659.731.680	2.150.781.073
Cổ tức nhận được trong năm		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	3.744.000.000	936.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.213.198.314	2.477.270.740

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	150.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	39.056.211	-

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập



Huỳnh Khắc Nam

Kế toán trưởng



Võ Thị Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Thái Định

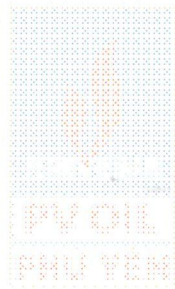
Phú Yên, ngày 09 tháng 3 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÁI ĐỊNH



NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG